

Khi công trình dưới hạn ngạch vượt vốn đầu tư trở thành công trình trên hạn ngạch, thì cơ quan chủ quản phải làm lại mọi thủ tục từ đầu như đối với công trình trên hạn ngạch. Nghiêm cấm việc phân tán, xé lẻ, chia đợt xây dựng nhỏ nhằm biến công trình trên hạn ngạch thành nhiều công trình dưới hạn ngạch để trốn tránh xét duyệt.

Điều 53. — Khi thi công vượt tổng dự toán, thì giải quyết như sau :

— Nếu dự toán tăng lên do chủ trương làm thay đổi thiết kế, làm kéo dài thời hạn thi công, hoặc làm tăng thêm khối lượng xây lắp, thì khoản chi phí tăng thêm đó sẽ do cơ quan chủ quản công trình báo cáo với cấp có thẩm quyền xét duyệt đề xin bổ sung dự toán công trình.

Nếu các khoản phải chi phí thêm là do thiên tai, địch họa gây ra cho công trường thi công, sau khi được cơ quan có thẩm quyền xem xét và thấy là cần thiết, thì cơ quan thi công được Nhà nước trợ cấp. Trong trường hợp có thiên tai địch họa nhưng vì thiếu trách nhiệm đề gây ra hư hỏng thiệt hại thì Nhà nước không trợ cấp; cơ quan thi công phải lấy lãi bù vào các chi phí đó.

Nếu vượt dự toán do các cơ quan chủ quản công trình, cơ quan thiết kế, cung cấp vật tư, thiết bị, tài chính, quản lý kiến thiết cơ bản v.v... gây ra, thì do cơ quan đó chịu trách nhiệm và được xét từng trường hợp cụ thể để giải quyết.

Nếu vượt dự toán do tổ chức thi công không hợp lý, kéo dài thời gian xây dựng, do công trình kém phẩm chất phải phá đi làm lại, do lãng phí nguyên liệu; vật liệu và nhân lực trong khi thi công; thì cơ quan thi công phải chịu trách nhiệm.

Điều 54. — Công trình có thiết kế sơ bộ, tổng khái toán được duyệt mới được phép ghi vào kế hoạch xây dựng năm; có dự toán và bản vẽ thi công đủ thi công cho một quý mới ghi vào kế hoạch xây dựng cơ bản quý; chỉ những công trình đặc biệt có quyết định của Thủ tướng Chính phủ mới được ghi vào kế hoạch; mà không cần có đủ các thủ tục trên đây:

Những công trình đang thiết kế nhưng có khả năng hoàn thành thiết kế trong năm cũng chỉ được ghi vào kế hoạch dự bị, khi nào có thiết kế được duyệt mới đưa lên kế hoạch chính thức.

Điều 55. — Cơ quan thi công chỉ được phép khởi công xây dựng những công trình, hạng mục công trình hoặc bộ phận công trình đã có đủ bản vẽ thi công và dự toán.

Điều 56. — Cơ quan tài chính, ngân hàng kiến thiết chỉ được phép cho vay vốn để thi công và thanh toán, quyết toán đối với những công trình theo đúng trình tự của bản điều lệ này. Đối với những công trình chưa có đủ bản vẽ thi công và dự toán, thì chỉ được cấp kinh phí cần thiết để chuẩn bị công trường.

Điều 57. — Đề giữ gìn tốt hồ sơ khoa học kỹ thuật thiết kế, từ nay đặt thành chế độ lập hồ

sơ lưu trữ đối với công tác xây dựng. Đối với các tài liệu khảo sát, thiết kế và xét duyệt thiết kế, thì công do cơ quan nào làm thì cơ quan đó phải tổ chức việc lập hồ sơ lưu trữ. Công tác lập hồ sơ lưu trữ phải làm xong 6 tháng sau khi công trình hoàn thành xây dựng. Cục lưu trữ Phủ Thủ tướng có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước nghiên cứu hướng dẫn công tác lưu trữ hồ sơ khảo sát, thiết kế, thi công cho các công trình xây dựng.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 58. — Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, Văn phòng Phủ Thủ tướng chịu trách nhiệm hướng dẫn, giải thích, giám sát và đôn đốc việc thi hành bản điều lệ này.

Các ngành ở trung ương và Ủy ban hành chính các khu, tỉnh, thành phố cần tổ chức phổ biến bản điều lệ này đến tận cơ sở cho cán bộ, nhân viên làm công tác xây dựng thuộc ngành và địa phương hiểu rõ và chấp hành nghiêm chỉnh.

Điều 59. — Bản điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1972.

Tất cả những điều quy định trước đây trái với bản điều lệ này đều bãi bỏ.

(Điều lệ này được ban hành kèm theo nghị định số 242-CP ngày 31-12-1971 của Hội đồng Chính phủ).

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH số 343-TTg ngày 14-12-1971 ban hành chế độ báo cáo thống kê và kế toán định kỳ chính thức của các đơn vị cung ứng vật tư kỹ thuật

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ nghị định số 27-CP ngày 22-2-1962 của Hội đồng Chính phủ quy định các nguyên tắc về việc lập và ban hành các chế độ, biểu mẫu và phương án điều tra thống kê;

Căn cứ nghị quyết số 02-CP ngày 2-1-1971 của Hội đồng Chính phủ về việc tổ chức lại hệ thống thông tin kinh tế (phần nói riêng về hệ thống thông tin thống kê và kế toán).

Đề đáp ứng yêu cầu của công tác kế hoạch hóa, cải tiến công tác quản lý trong các đơn vị cung ứng vật tư kỹ thuật;

Theo đề nghị của ông Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, ông Bộ trưởng Bộ Tài chính và ông Bộ trưởng Bộ Vật tư,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo quyết định này chế độ báo cáo thống kê và kế toán định kỳ chính thức tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng và năm của đơn vị cung ứng vật tư kỹ thuật đã hạch toán độc lập (gọi tắt là đơn vị cung ứng) do Trung ương và địa phương quản lý.

Điều 2. — Chế độ báo cáo nói ở điều 1 sẽ áp dụng thống nhất từ ngày 1 tháng 1 năm 1972.

Điều 3. — Các văn bản quy định về chế độ biểu mẫu báo cáo thống kê và kế toán định kỳ chính thức của đơn vị cung ứng ban hành trước đây trái với chế độ này đều không còn hiệu lực.

Điều 4. — Tổng cục Thống kê căn cứ quyết định này và tùy theo yêu cầu chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ trong từng thời kỳ mà quy định (hoặc bổ sung) nội dung của biểu mẫu báo cáo theo phương châm tinh giản, thiết thực và có hiệu lực. Trước khi quy định, Tổng cục Thống kê cần trao đổi ý kiến với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính và Bộ Vật tư.

Điều 5. — Thủ trưởng các đơn vị cung ứng như: cục, tổng công ty, công ty hoặc kho, trạm cung ứng tương đương công ty thuộc các Bộ, các ngành, các địa phương có trách nhiệm tổ chức thực hiện chế độ báo cáo này; phải kiểm tra, xem xét, ký tên, đóng dấu vào các báo cáo và chịu trách nhiệm về sự chính xác của số liệu, về sự kịp thời của báo cáo.

Thủ trưởng các đơn vị cung ứng, kế toán trưởng và các cán bộ, nhân viên giúp việc làm báo cáo thống kê, kế toán không thi hành hoặc thi hành sai chế độ, thể lệ đã quy định sẽ bị thi hành kỷ luật theo đúng điều 5 của Điều lệ về kỷ luật lao động trong các xí nghiệp, cơ quan Nhà nước đã ban hành kèm theo nghị định số 195-CP ngày 31-12-1964 của Hội đồng Chính phủ; trong trường hợp nghiêm trọng, có thể bị truy tố trước pháp luật.

Điều 6. — Các ông Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ và các ông Chủ tịch Ủy ban hành chính khu tự trị, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị cung ứng thuộc phạm vi mình quản lý thực hiện nghiêm chỉnh chế độ báo cáo này.

Điều 7. — Ông Bộ trưởng Phủ Thủ tướng, ông Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê và ông Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn và theo dõi việc thi hành quyết định này.

Hà nội, ngày 14 tháng 12 năm 1971

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

Chế độ báo cáo thống kê và kế toán định kỳ chính thức của các đơn vị cung ứng vật tư kỹ thuật.

(Ban hành kèm theo quyết định số 343-TTg ngày 14-12-1971 của Thủ tướng Chính phủ)

I — Ý NGHĨA MỤC ĐÍCH

Chế độ báo cáo thống kê và kế toán định kỳ chính thức này áp dụng cho các đơn vị cung ứng vật tư kỹ thuật đã hạch toán độc lập (gọi tắt là đơn vị cung ứng) nhằm mục đích:

1. Kiểm tra một cách có hệ thống và toàn diện tình hình thực hiện kế hoạch cung ứng, tài vụ, lao động và tiền lương, v.v... của đơn vị cung ứng thuộc các ngành, các cấp.

2. Thu thập những số liệu cần thiết cho việc phân tích hoạt động kinh tế của đơn vị cung ứng và của các tổ chức quản lý cung ứng cấp trên.

3. Làm căn cứ cho việc xây dựng, bảo vệ, điều chỉnh và xét duyệt các chỉ tiêu nhập, cung ứng, dự trữ vật tư kỹ thuật, các chỉ tiêu kế hoạch tài vụ, lao động tiền lương và các chỉ tiêu kế hoạch khác.

4. Cải tiến và từng bước thống nhất công tác hạch toán ở các đơn vị cung ứng làm cho các chỉ tiêu, biểu mẫu báo cáo không trùng lặp, nặng nề, thuận tiện cho công tác cơ khí hóa tính toán, nhằm đảm bảo cung cấp những nguồn tin chính xác, kịp thời cho công tác thông tin kinh tế.

II — NỘI DUNG

Nội dung chế độ báo cáo thống kê và kế toán định kỳ chính thức gồm 2 phần:

A: Báo cáo số liệu:

a) Báo cáo của các đơn vị cung ứng đã hạch toán độc lập do trung ương quản lý.

b) Báo cáo của các đơn vị cung ứng đã hạch toán độc lập do địa phương quản lý.

Hệ thống báo cáo bằng số liệu gồm những chỉ tiêu, biểu mẫu sau đây:

1. Cung ứng vật tư kỹ thuật cho các đơn vị sử dụng và các đơn vị sử dụng trọng điểm

2. Xuất vật tư kỹ thuật

3. Nhập vật tư kỹ thuật

4. Tồn kho vật tư kỹ thuật

5. Nhập, xuất, tồn kho vật tư kỹ thuật

6. Lao động trong danh sách

7. Tiền lương của lao động trong danh sách

8. Tăng giảm lao động
9. Sử dụng thời gian lao động
10. Năng suất lao động
11. Tai nạn lao động
12. Chất lượng công nhân kỹ thuật
13. Chất lượng cán bộ khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ chuyên môn
14. Mạng lưới cung ứng
15. Nhà kho, bãi
16. Thiết bị máy móc phục vụ cung ứng
17. Nhập, xuất, tồn kho nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng nội bộ
18. Khối lượng vận tải vật tư kỹ thuật
19. Thực hiện định mức tiêu hao xăng, dầu cho vận tải
20. Bảng tổng kết tài sản
21. Vốn cơ bản
22. Tăng giảm tài sản cố định và quỹ khấu hao
23. Tài sản thừa, thiếu, tồn thất
24. Chi phí lưu thông
25. Lãi, lỗ
26. Quỹ xí nghiệp
27. Các khoản thanh toán với ngân sách
28. Công, nợ phải thanh toán
29. Kinh phí sự nghiệp và kinh phí chuyên dùng
30. Thu, chi tiền mặt
31. Thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản
32. Công trình hoàn thành, giá trị tài sản cố định và năng lực mới tăng
33. Chi phí thực tế công trình tự làm

Việc phân loại các kỳ hạn của từng chỉ tiêu, biểu mẫu báo cáo do Tổng cục Thống kê quy định.

B. Báo cáo phân tích bằng lời văn.

Giải thích rõ số liệu, các nguyên nhân hoàn thành hoặc không hoàn thành kế hoạch, nêu lên những nhận định tình hình trong kỳ báo cáo, những khó khăn, thuận lợi, những tồn tại cũng như những khả năng tiềm tàng cần phát huy và triển vọng thực hiện kế hoạch trong kỳ tới.

III - THỜI HẠN NHẬN BÁO CÁO

Tất cả báo cáo thống kê và kế toán định kỳ chính thức của các đơn vị cung ứng gửi lên cấp trên đều là báo cáo mật và tối mật của Nhà nước. Các báo cáo gửi đi phải được bảo vệ theo đúng chế độ Nhà nước quy định.

Thời hạn nhận báo cáo quy định như sau :

— Báo cáo tháng của tất cả các đơn vị cung ứng phải có ở nơi nhận từ 3 đến 6 ngày sau khi kết thúc tháng báo cáo.

— Báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng phải có ở nơi nhận từ 7 đến 15 ngày sau khi kết thúc kỳ báo cáo.

— Báo cáo năm phải có ở nơi nhận từ 15 đến 30 ngày sau khi kết thúc năm báo cáo.

— Báo cáo của các đơn vị cung ứng trọng điểm phải có ở nơi nhận sớm hơn thời hạn trên.

Thời gian nhận báo cáo cụ thể của từng biểu và của từng cấp do Tổng cục Thống kê quy định.

Riêng đối với các công ty cung ứng vật tư nông nghiệp, ngoài việc báo cáo tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm, cần phải báo cáo cho các cơ quan quản lý cấp trên tình hình cung ứng vật tư theo thời vụ nông nghiệp. Các báo cáo theo thời vụ do Tổng cục Thống kê bàn với Ủy ban Nông nghiệp trung ương rồi quy định cụ thể.

IV - TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các ngành ở trung ương và các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cần có kế hoạch phổ biến chế độ báo cáo này, cùng các quy định cụ thể về chế độ, nội dung, biểu mẫu của Tổng cục Thống kê cho các đơn vị cung ứng quán triệt chấp hành; nếu cần sửa đổi, bổ sung nội dung biểu mẫu báo cáo, thì báo cho Tổng cục Thống kê biết để Tổng cục Thống kê nghiên cứu, trao đổi ý kiến với các Bộ, ngành có liên quan và ra văn bản sửa đổi bổ sung.

Các ngành ở trung ương và các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố phải hướng dẫn và đôn đốc các đơn vị cung ứng tổ chức thực hiện chế độ ghi chép ban đầu của Nhà nước đã ban hành; đồng thời tổ chức tốt việc thông tin trong nội bộ đơn vị cung ứng theo nghị quyết số 02-CP ngày 2-1-1971 của Hội đồng Chính phủ đề phục vụ yêu cầu quản lý và chỉ đạo của đơn vị cung ứng và có cơ sở số liệu chính xác, kịp thời để thực hiện chế độ báo cáo này. Thông qua việc thực hiện chế độ báo cáo này, các ngành và các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố cần chấn chỉnh tổ chức và công tác thống kê, kế toán ở cơ sở cho phù hợp với nhiệm vụ mới.

Hà-nội, ngày 14 tháng 12 năm 1971

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ